

TỜ TRÌNH
Về việc ban hành Quy chế hoạt động
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị
khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân (HĐND); quyền và trách nhiệm của đại biểu HĐND tỉnh; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật. Thường trực HĐND tỉnh đã giao Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu soạn thảo, phối hợp Ban Dân tộc thực hiện các quy trình, thủ tục xây dựng, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo nghị quyết theo luật định. Ban Dân tộc được phân công trình HĐND tỉnh xem xét ban hành Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

Trong quá trình hoạt động của HĐND, UBND các cấp luôn tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. HĐND tỉnh khóa VII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã ban hành Quy chế hoạt động để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh, cụ thể hóa việc áp dụng quy định trong các luật và văn bản dưới luật.

Nhiệm kỳ 2021 - 2026, kế thừa, sửa đổi, bổ sung và áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, xây dựng, ban hành mới Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh trên tinh thần hợp lý, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ pháp luật tạo cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định về tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

Việc xây dựng Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh được quán triệt các quan điểm sau đây:

Thứ nhất, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật về tổ chức và hoạt động của HĐND tỉnh; cụ thể hóa các nhiệm vụ, trách nhiệm của Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh; bảo đảm vai trò, vị trí, chức năng trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh và đề cao trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động của HĐND.

Thứ hai, tăng cường tính kỷ cương, kỷ luật, bảo đảm pháp chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả các hoạt động của HĐND tỉnh.

Thứ ba, kế thừa và phát triển những kết quả đạt được trong hoạt động HĐND tỉnh các nhiệm kỳ trước; áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh đúng pháp luật và phù hợp thực tiễn.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Dự thảo Nghị quyết, Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015 và Luật Tiếp công dân năm 2013; các văn bản dưới luật như Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Hướng dẫn một số hoạt động của HĐND; Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh; các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có liên quan.

IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Quy chế này quy định hoạt động của HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; mối quan hệ công tác; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND.

Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

V. NỘI DUNG, BỐ CỤC

Dự thảo Quy chế gồm 17 trang, 08 chương 45 điều.

*(Kèm theo dự thảo Nghị quyết, Quy chế hoạt động HĐND tỉnh Quảng Trị
khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026)*

Trên đây là Tờ trình của Ban Dân tộc HĐND tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh Quảng Trị, khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT-CTHĐND.H

**TM. BAN DÂN TỘC
TRƯỞNG BAN**



Ly Kiều Vân

Số: /2021/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 16 tháng 7 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị
khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Hoạt động giám
sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm
2015 và Luật Tiếp công dân năm 2013;*

*Xét Tờ trình số.../TTr-HĐND ngày .../7/2021 của Ban Dân tộc Hội đồng
nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh
Quảng Trị khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu, Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh, BTT UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, TP;
- Lưu: VT, CTHĐND (02).H

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

DỰ THẢO

QUY CHẾ

Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị
khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND
ngày 16 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (sau đây viết tắt là HĐND); mối quan hệ công tác và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 (sau đây viết tắt là Luật TCCQPĐP); Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015 (Luật HĐGS); Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

2. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

4. Hiện đại, công khai, minh bạch, phục vụ nhân dân, chịu sự giám sát của cử tri và Nhân dân.

5. Bảo đảm nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được phân quyền, phân cấp và chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

6. Chịu giám sát, kiểm tra và hướng dẫn hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

7. Phối hợp công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND), Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (Đoàn ĐBQH), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (UBMTTQVN) và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 gồm các đại biểu HĐND tỉnh do cử tri ở tỉnh bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương,

đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 19 của Luật TCCQĐP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đại biểu HĐND tỉnh là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân trong tỉnh, chịu trách nhiệm trước cử tri trong tỉnh và trước HĐND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình. Đại biểu HĐND tỉnh bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh.

Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 83 và 93, Điều 94, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101 và 103 của Luật TCCQĐP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Các đại biểu HĐND tỉnh được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu HĐND tỉnh. Số lượng Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Tổ trưởng và Tổ phó của Tổ đại biểu HĐND tỉnh do Thường trực HĐND tỉnh chỉ định.

3. Thường trực HĐND tỉnh là cơ quan thường trực của HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND tỉnh.

Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 của Luật TCCQĐP và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Ban HĐND tỉnh là cơ quan của HĐND tỉnh, có nhiệm vụ thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình HĐND tỉnh; giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND tỉnh, trong thời gian HĐND tỉnh không họp thì báo cáo công tác trước Thường trực HĐND tỉnh.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Mục 1

HOẠT ĐỘNG KỲ HỌP CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 4. Kỳ họp HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh họp mỗi năm ít nhất hai kỳ. Kỳ họp giữa năm tổ chức trước ngày 30 tháng 7; kỳ họp cuối năm tổ chức trước ngày 10 tháng 12.

HĐND tỉnh quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ vào kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh đối với năm bắt đầu nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối cùng của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

HĐND tỉnh họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

2. HĐND tỉnh họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu thì HĐND tỉnh họp kín.

3. Kỳ họp HĐND tỉnh cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử đại biểu HĐND tỉnh khóa mới. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, HĐND, Thường trực HĐND, UBND, Ban của HĐND, TAND, VKSND và Cục Thi hành án dân sự tỉnh báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình; Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền trong cả nhiệm kỳ.

Điều 5. Nội quy kỳ họp HĐND tỉnh

1. Chủ tọa kỳ họp HĐND tỉnh có trách nhiệm điều hành phiên họp đảm bảo đúng quy định của Luật TCCQĐP, Quy chế này và chương trình, nội dung kỳ họp đã được HĐND tỉnh thông qua.

2. Đại biểu HĐND tỉnh có nhiệm vụ:

a) Chấp hành các quy định của Luật TCCQĐP, Quy chế này và sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp HĐND tỉnh.

b) Tham gia đầy đủ kỳ họp, các phiên họp của HĐND tỉnh.

c) Nghiên cứu trước tài liệu và tham gia ý kiến tại kỳ họp, phiên họp.

d) Đại biểu đến họp đúng giờ. Trường hợp đại biểu không thể đến dự kỳ họp, phải báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của Chủ tịch HĐND tỉnh. Nếu vắng mặt trong 01 phiên họp hoặc đến họp muộn phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh hoặc Thư ký kỳ họp để báo cáo với Chủ tọa kỳ họp.

đ) Đại biểu đeo phù hiệu khi tham dự kỳ họp, ngồi đúng vị trí quy định; trong giờ họp không sử dụng điện thoại di động, không ra ngoài làm việc riêng; tại phiên khai mạc và bế mạc đại biểu mặc trang phục: Nữ áo dài truyền thống; nam sơ mi dài tay, ca-vát (mùa hè), com-lê (mùa đông); đại biểu tôn giáo mặc trang phục tôn giáo, đại biểu lực lượng vũ trang mặc trang phục của ngành.

3. Các đại biểu khách mời, phóng viên báo chí khi tác nghiệp tại các phiên họp của HĐND tỉnh phải thực hiện nghiêm túc nội quy kỳ họp và yêu cầu của Chủ tọa.

Điều 6. Khách mời tham dự kỳ họp HĐND tỉnh

1. Trên cơ sở nội dung, chương trình kỳ họp có thể mời đại diện Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, cơ quan ở Trung ương có liên quan tham dự kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Đại biểu Quốc hội được bầu ở tỉnh.

3. Thành viên UBND tỉnh; Chánh án TAND tỉnh, Viện trưởng VKSND tỉnh không phải là đại biểu HĐND tỉnh được mời tham dự các kỳ họp HĐND tỉnh có trách nhiệm tham dự các phiên họp toàn thể của HĐND tỉnh khi thảo luận về những vấn đề có liên quan đến ngành, lĩnh vực phụ trách.

4. Đại diện cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, UBMTTQVN tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, khách quốc tế, cơ quan báo chí và công dân được mời tham dự các phiên họp công khai của HĐND tỉnh khi bàn về các vấn đề có liên quan.

5. Căn cứ tính chất kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh có thể quyết định thành phần, số lượng khách mời tham dự kỳ họp HĐND tỉnh; vị trí chỗ ngồi của khách mời tham dự kỳ họp và các phiên họp của HĐND tỉnh theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh.

Điều 7. Thư ký kỳ họp HĐND tỉnh

1. Thư ký kỳ họp do Văn phòng và bộ phận tham mưu, giúp việc của HĐND tỉnh thực hiện.

2. Nhiệm vụ của Thư ký kỳ họp:

a) Thực hiện nghi lễ, khánh tiết.

b) Lập danh sách đại biểu HĐND tỉnh có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp.

c) Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp.

d) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ và phiên họp toàn thể.

đ) Phối hợp với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chính lý dự thảo nghị quyết và các văn bản khác báo cáo Chủ tọa kỳ họp để trình HĐND tỉnh.

e) Cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

f) Trình bày dự thảo nghị quyết trước HĐND tỉnh.

g) Hoàn thiện hồ sơ kỳ họp trình ký chứng thực và ban hành các nghị quyết của HĐND tỉnh.

h) Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 8. Hội nghị liên tịch thống nhất nội dung, chương trình kỳ họp HĐND tỉnh

Chậm nhất là 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực HĐND tỉnh chủ trì cuộc họp liên tịch với UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh; Trưởng ban, Phó Trưởng ban HĐND tỉnh; Chánh án TAND tỉnh, Viện trưởng VKSND tỉnh; đại diện cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để thống nhất dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp và giao các cơ quan chuẩn bị.

Điều 9. Chuẩn bị kỳ họp và đơn đốc tài liệu trình HĐND tỉnh

1. UBND tỉnh, cơ quan có liên quan gửi các báo cáo, tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh trình kỳ họp theo đúng thời gian luật định và theo thông báo nội dung, chương trình, phân công chuẩn bị kỳ họp của HĐND tỉnh trước mỗi kỳ họp.

2. Thường trực HĐND và các Ban HĐND tỉnh tiến hành giám sát, khảo sát; thẩm tra và chuẩn bị các báo cáo trình kỳ họp; theo dõi, đơn đốc UBND tỉnh, cơ quan có liên quan trong công tác chuẩn bị kỳ họp.

3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, cơ quan trình các báo cáo, tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh phải gửi đến Ban của HĐND tỉnh được phân công thẩm tra.

4. Cơ quan có trách nhiệm trình các báo cáo, tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh phải gửi đầy đủ số lượng các văn bản, tài liệu trình HĐND tỉnh (20 bản/01 báo cáo, tờ trình, đề án; 10 bản/01 dự thảo nghị quyết); đồng thời gửi văn bản điện tử đến Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh.

Điều 10. Triệu tập kỳ họp

1. Thường trực HĐND tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. Quyết định triệu tập kỳ họp và dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp HĐND tỉnh được gửi đến đại biểu HĐND tỉnh; đồng thời được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ và chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất.

Điều 11. Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp HĐND tỉnh

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh do Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc Phó Chủ tịch HĐND tỉnh được phân công ký chứng thực.

2. Biên bản kỳ họp HĐND do Chủ tịch HĐND tỉnh hoặc Chủ tọa và Thư ký kỳ họp ký tên.

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp HĐND tỉnh phải được Thường trực HĐND tỉnh gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

4. Nghị quyết của HĐND tỉnh phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện. Nghị quyết của HĐND tỉnh đăng công báo, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh ban hành nghị quyết để thực hiện thẩm quyền theo quy định tại Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Căn cứ Luật TCCQĐP, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có liên quan và Quy chế này, HĐND tỉnh xem xét thông qua kế hoạch tổ chức kỳ họp về xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật và giao Thường trực HĐND tỉnh chuẩn bị.

3. UBND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và UBMTTQVN tỉnh căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, tự mình hoặc theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đại biểu HĐND tỉnh, có trách nhiệm đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có liên quan.

Điều 13. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh

1. Trước phiên họp chất vấn, đại biểu HĐND tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh.

2. Căn cứ vào chương trình kỳ họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

3. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp được thực hiện theo trình tự sau:

a) Đại biểu HĐND tỉnh nêu chất vấn, có thể cung cấp thông tin minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể.

b) Người bị chất vấn phải trả lời trực tiếp, đầy đủ vào vấn đề mà đại biểu HĐND tỉnh đã chất vấn, không được ủy quyền cho người khác trả lời thay; xác định rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập (nếu có).

c) Trường hợp đại biểu HĐND tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền chất vấn lại để người bị chất vấn trả lời.

d) Những người khác có thể được mời tham dự phiên họp và trả lời chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh về vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Thời gian nêu chất vấn không quá 3 phút đối với từng nội dung chất vấn. Trường hợp có minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể; thời gian nêu chất vấn không quá 5 phút. Thời gian trả lời chất vấn của người bị chất vấn do chủ tọa phiên họp báo cáo HĐND quyết định; thời gian trả lời chất vấn về từng vấn đề không quá 10 phút, trường hợp đặc biệt do chủ tọa phiên họp quyết định.

4. HĐND tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong các trường hợp sau đây:

a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp.

b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh.

c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp nhưng chưa được trả lời tại kỳ họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu HĐND tỉnh đã chất vấn, Thường trực HĐND tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì có quyền đề nghị HĐND tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp HĐND tỉnh hoặc kiến nghị HĐND tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

5. HĐND tỉnh có thể ra nghị quyết về chất vấn.

6. Phiên họp chất vấn tại HĐND tỉnh được phát thanh, truyền hình trực tiếp, trừ trường hợp do HĐND tỉnh quyết định.

7. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực HĐND tỉnh để chuyển đến các đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 14. Lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm

1. HĐND tỉnh lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ sau đây:

a) Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND và Trưởng ban của HĐND tỉnh;

b) Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND và Ủy viên UBND tỉnh.

2. Việc lấy phiếu tín nhiệm và bỏ phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 88, Điều 89 của Luật TCCQĐP; Điều 63, Điều 64 của Luật HĐGS và văn bản hướng dẫn của Quốc hội.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 15. Các hoạt động giám sát của HĐND tỉnh

1. Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án dân sự tỉnh và các báo cáo khác theo quy định tại Điều 59 của Luật HĐGS.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh và cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Xem xét quyết định của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Giám sát chuyên đề.

5. Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu.

Điều 16. Chương trình giám sát của HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh dự kiến chương trình giám sát hằng năm của HĐND tỉnh trên cơ sở đề nghị của các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và kiến nghị của cử tri trong tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và cử tri trong tỉnh gửi đề nghị, kiến nghị giám sát của HĐND tỉnh đến Thường trực HĐND tỉnh. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của HĐND tỉnh, trừ giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh.

3. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của HĐND tỉnh tại kỳ họp giữa năm sau của HĐND tỉnh.

Điều 17. Quy trình giám sát của HĐND tỉnh

HĐND tỉnh thực hiện quy trình giám sát theo quy định tại Điều 57 của Luật HĐGS và các quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 18. Tổ chức các hoạt động đối ngoại của HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có thể tổ chức các hoạt động đối ngoại nhằm thực hiện và mở rộng hoạt động đối ngoại trong khu vực và trên thế giới theo đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước và chương trình hợp tác đối ngoại của địa phương.

2. Khi triển khai hoạt động đối ngoại, thực hiện theo các quy định hiện hành về công tác lễ tân ngoại giao và quản lý Nhà nước về hoạt động đối ngoại.

Điều 19. Nội dung hoạt động đối ngoại của HĐND tỉnh

1. Hợp tác, giao lưu với cơ quan dân cử nước ngoài về hoạt động của cơ quan dân cử.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo có sự tham gia của phía nước ngoài; tham dự các hội nghị, hội thảo do phía nước ngoài mời.

3. Đón tiếp các đoàn nước ngoài đến thăm và làm việc trực tiếp với HĐND tỉnh.

4. Thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, giúp đỡ lẫn nhau với HĐND các tỉnh thuộc Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào có chung đường biên giới hoặc có quan hệ hợp tác với tỉnh Quảng Trị.

5. Các hoạt động đối ngoại khác của HĐND tỉnh.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU VÀ TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 20. Tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh

1. Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của HĐND tỉnh, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

2. Sau mỗi kỳ họp HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của HĐND tỉnh, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

3. Đại biểu HĐND tỉnh có thể trực tiếp gặp gỡ cử tri để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri và những vấn đề mà đại biểu quan tâm; chuyển những kiến nghị của cử tri đến Tổ đại biểu HĐND và Thường trực HĐND tỉnh để tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh, gửi tới cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

4. Việc tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ

chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri để thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri về những vấn đề thuộc chương trình, nội dung kỳ họp và ý kiến, kiến nghị của cử tri với HĐND tỉnh và các cơ quan Nhà nước hữu quan ở địa phương.

b) Chậm nhất 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, phổ biến và giải thích các nghị quyết của HĐND tỉnh và vận động Nhân dân thực hiện nghị quyết đó.

c) Căn cứ vào chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐND, tình hình thực tế ở địa phương, Thường trực HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri hàng năm.

Thường trực HĐND tỉnh gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến UBND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh; đồng thời thông báo cho Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

d) Trên cơ sở kế hoạch tiếp xúc cử tri của Thường trực HĐND tỉnh, Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Thường trực HĐND, Ban Thường trực UBMTTQVN, UBND cấp huyện xây dựng chương trình tiếp xúc cử tri của Tổ đại biểu HĐND tỉnh và tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri. Chương trình, thời gian và địa điểm tiếp xúc cử tri phải được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương để Nhân dân biết tham gia.

Tổ đại biểu HĐND tỉnh họp phân công đại biểu tiếp xúc cử tri tại các đơn vị bầu cử, bảo đảm tính hiệu quả, thiết thực trong việc tiếp xúc cử tri. Trong trường hợp không thể tiếp xúc cử tri thì đại biểu HĐND tỉnh báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh tổng hợp và báo cáo với Thường trực HĐND tỉnh về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu trong Tổ, báo cáo với cử tri về việc tham gia tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh được bầu tại đơn vị bầu cử đó.

5. Sau mỗi đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN cấp huyện, chuẩn bị báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi đến Thường trực HĐND, UBMTTQVN tỉnh trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt tiếp xúc cử tri.

Điều 21. Cuộc họp của Tổ đại biểu HĐND tỉnh

1. Tổ đại biểu HĐND tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để bàn kế hoạch công tác, phân công đại biểu tiếp dân, tổ chức nghiên cứu pháp luật, chính sách của Nhà nước. Thành viên Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Tổ trưởng Tổ đại biểu.

2. Cuộc họp Tổ đại biểu phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 22. Hoạt động giám sát của đại biểu HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh

1. Đại biểu HĐND tỉnh giám sát thông qua các hoạt động sau:

a) Chất vấn Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh.

b) Giám sát quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND cấp huyện.

c) Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương.

d) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

2. Tổ đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh tại địa phương hoặc về các vấn đề do HĐND hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công; tổ chức đề đại biểu HĐND tỉnh thực hiện hoạt động giám sát.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 23. Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh

1. Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh là hình thức hoạt động chủ yếu của Thường trực HĐND tỉnh. Tại phiên họp, Thường trực HĐND tỉnh thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Thường trực HĐND tỉnh họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Khi xét thấy cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh có thể họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND tỉnh. Phiên họp Thường trực HĐND tỉnh phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Thường trực HĐND tỉnh tham dự.

3. Chủ tịch HĐND tỉnh quyết định thời gian, chương trình, chỉ đạo việc chuẩn bị và chủ tọa phiên họp Thường trực HĐND tỉnh; nếu Chủ tịch HĐND tỉnh vắng mặt thì một Phó Chủ tịch HĐND tỉnh được Chủ tịch HĐND tỉnh ủy quyền chủ tọa phiên họp.

4. Thành viên Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp, nếu vì lý do khách quan không thể tham gia thì phải báo cáo Chủ tịch HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

5. Đại diện UBND, UBMTTQVN tỉnh; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh.

6. Đại diện Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể được mời tham dự phiên họp Thường trực HĐND tỉnh khi bàn về vấn đề có liên quan.

7. UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Ban HĐND tỉnh, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm chuẩn bị các dự án, đề án, báo cáo thuộc nội dung chương trình phiên họp theo phân công của Thường trực HĐND tỉnh hoặc theo nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Điều 24. Quyết định, cho ý kiến các vấn đề giữa hai kỳ họp

Khi quyết định, cho ý kiến các vấn đề giữa hai kỳ họp, Thường trực HĐND tỉnh thực hiện như sau:

1. Xem xét, thảo luận vấn đề và quyết định tập thể tại kỳ họp hàng tháng của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Đối với những vấn đề cần xử lý ngay để đảm bảo thời gian theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước cấp trên; theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND tỉnh và ý kiến của lãnh đạo Ban chuyên trách, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh được phân công theo dõi lĩnh vực báo cáo Chủ tịch HĐND tỉnh để thống nhất quyết định. Trường hợp cần thiết thì tổ chức phiên họp đột xuất của Thường trực HĐND tỉnh để xem xét quyết định; hoặc Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Thường trực HĐND tỉnh để quyết định.

Điều 25. Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động các Ban HĐND tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động các Ban HĐND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Phân công Ban thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND tỉnh.

2. Phân công Ban tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh và một số công việc khác.

3. Phân công Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND và Thường trực HĐND tỉnh.

4. Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban và đôn đốc các Ban hoạt động; tham dự cuộc họp của Ban.

5. Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh.

Điều 26. Tiếp công dân của Thường trực HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân; xây dựng các quy định, thủ tục về tiếp công dân bảo đảm đúng pháp luật và phù hợp với tình hình của địa phương; sắp xếp lịch tiếp công dân của đại biểu HĐND tỉnh; bố trí công chức có đủ trình độ, năng lực và am hiểu về pháp luật để làm nhiệm vụ tiếp công dân; tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tham gia tiếp công dân tại nơi tiếp công dân ở địa phương mà đại biểu ứng cử.

2. Chủ tịch HĐND tỉnh phải có lịch tiếp công dân trong tháng, Trường hợp trong tháng không bố trí được lịch tiếp công dân, thì ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND tỉnh phải bố trí thời gian 01 ngày để trực tiếp tiếp công dân.

3. Các Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách phải thường xuyên luân phiên tiếp công dân tại trụ sở HĐND tỉnh.

Điều 27. Các hoạt động giám sát của Thường trực HĐND tỉnh

1. Xem xét quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Xem xét việc trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh.

5. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

6. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

Điều 28. Chương trình giám sát của Thường trực HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát hằng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND tỉnh và ý kiến của các thành viên Thường trực HĐND tỉnh, đề nghị của các Ban HĐND, đại biểu HĐND, UBMTTQVN tỉnh, phản ánh của các cơ quan báo chí và ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương.

Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh gửi đến Thường trực HĐND tỉnh đề nghị giám sát đưa vào chương trình giám sát của Thường trực HĐND tỉnh. Đề nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát. Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh tổng hợp đề nghị giám sát trình Thường trực HĐND tỉnh.

2. Chương trình giám sát hằng năm được Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của HĐND tỉnh.

3. Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực HĐND tỉnh phân công thành viên Thường trực HĐND tỉnh thực hiện các nội dung trong chương trình; giao các Ban HĐND tỉnh thực hiện một số nội dung thuộc chương trình và báo cáo kết quả với Thường trực HĐND tỉnh.

4. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của mình với HĐND tỉnh vào kỳ họp giữa năm của năm sau.

Điều 29. Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh

1. Trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn vào phiếu chất vấn và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh.

Căn cứ vào chương trình phiên họp, ý kiến, kiến nghị của cử tri, vấn đề xã hội quan tâm và phiếu chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh quyết định nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn, thời gian chất vấn.

Thời gian nêu chất vấn không quá 3 phút đối với từng nội dung chất vấn. Trường hợp có minh họa bằng hình ảnh, video, vật chứng cụ thể; thì thời gian nêu chất vấn không quá 5 phút. Thời gian trả lời chất vấn của người bị chất vấn do chủ tọa phiên họp báo cáo Thường trực HĐND tỉnh quyết định; thời gian trả lời chất vấn về từng vấn đề không quá 10 phút, trường hợp cần thiết do chủ tọa phiên họp quyết định.

2. Thường trực HĐND tỉnh cho trả lời chất vấn bằng văn bản trong trường hợp sau đây:

a) Chất vấn không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp.

b) Vấn đề chất vấn cần được điều tra, xác minh.

c) Chất vấn thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại phiên họp nhưng chưa được trả lời tại phiên họp.

Người bị chất vấn phải trực tiếp trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời chất vấn được gửi đến đại biểu HĐND tỉnh đã chất vấn, Thường trực HĐND tỉnh trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày chất vấn.

Sau khi nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu đại biểu HĐND tỉnh không đồng ý với nội dung trả lời thì có quyền đề nghị Thường trực HĐND tỉnh đưa ra thảo luận tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh hoặc kiến nghị Thường trực HĐND, HĐND tỉnh xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

Điều 30. Giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu thành viên của UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giải trình và cá nhân có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực HĐND tỉnh quan tâm.

Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình và người được yêu cầu giải trình do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

Người được yêu cầu có trách nhiệm báo cáo, giải trình theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

Đại biểu HĐND tỉnh được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học có thể được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại phiên giải trình.

2. Nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh được thông báo cho cá nhân được yêu cầu giải trình chậm nhất là 10 ngày trước ngày tiến hành phiên giải trình.

3. Phiên giải trình được tổ chức công khai, trừ trường hợp do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thông qua kết luận vấn đề được giải trình; kết luận được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên Thường trực HĐND tỉnh biểu quyết tán thành. Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh được gửi đến đại biểu HĐND tỉnh, người được yêu cầu giải trình và cơ quan, tổ chức có liên quan.

4. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND tỉnh; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 31. Xem xét các nội dung phản ánh của các cơ quan báo chí

Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm xem xét các nội dung phản ánh của các cơ quan báo chí liên quan đến hoạt động của chính quyền địa phương, để giải quyết kịp thời những kiến nghị của cử tri và phát huy vai trò của báo chí phục vụ cho công tác giám sát của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương.

Chương V

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 32. Cuộc họp của Ban HĐND tỉnh

Ban HĐND tỉnh họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý, 6 tháng và cả năm; phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

Điều 33. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án của Ban HĐND tỉnh

1. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban HĐND tỉnh cử thành viên tham gia nghiên cứu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.

2. Báo cáo thẩm tra cần đánh giá về sự phù hợp của dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nêu rõ quan điểm và đề xuất phương án xử lý đối với những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

3. Báo cáo thẩm tra của Ban HĐND tỉnh được gửi đến HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 34. Các hoạt động giám sát của Ban HĐND tỉnh

1. Thẩm tra các báo cáo do HĐND, Thường trực HĐND phân công.

2. Giám sát quyết định của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp huyện.

3. Giám sát chuyên đề.

4. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 35. Chương trình giám sát của Ban HĐND tỉnh

1. Ban của HĐND tỉnh lập chương trình giám sát hằng năm căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và ý kiến các thành viên của Ban HĐND tỉnh.

2. Chương trình giám sát hằng năm của Ban HĐND tỉnh được Ban xem xét, quyết định vào cuối năm trước. Trưởng ban tổ chức thực hiện chương trình giám sát; trường hợp cần thiết, chương trình giám sát có thể được điều chỉnh.

Điều 36. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban HĐND tỉnh

1. Các Ban HĐND tỉnh phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan.

2. Các Ban HĐND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban Ủy ban thường vụ Quốc hội khi các cơ quan này về công tác ở địa phương.

3. Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực hoạt động của mình với các Ban tương ứng của HĐND tỉnh.

4. Ban HĐND tỉnh cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực HĐND theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

5. UBND, cơ quan chuyên môn thuộc UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, cơ quan, tổ chức hữu quan ở địa phương có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà Ban HĐND tỉnh yêu cầu.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, THƯỜNG TRỰC VÀ CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 37. Quan hệ giữa HĐND tỉnh với MTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Quan hệ giữa HĐND với UBMTTQVN tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban thường trực UBMTTQVN tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận ban hành Quy chế phối hợp công tác về xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; theo dõi hoạt động của đại biểu và giúp đại biểu HĐND tỉnh làm nhiệm vụ đại biểu; giám sát tiêu chuẩn đại biểu và việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu HĐND tỉnh; bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu; đề nghị bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân theo quy định của pháp luật; tham gia các hoạt động giám sát, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng ở địa phương.

Điều 38. Quan hệ giữa Thường trực, các Ban HĐND tỉnh với UBND tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của HĐND tỉnh; chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp HĐND tỉnh; dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND tỉnh, giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, quản lý, sử dụng ngân sách địa phương.

Căn cứ quy định tại Điều này, Thường trực HĐND tỉnh ký kết Quy chế phối hợp công tác với UBND tỉnh.

Điều 39. Quan hệ giữa Thường trực, các Ban HĐND tỉnh với Kiểm toán Nhà nước

Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nghiêm túc Quy chế phối hợp với Kiểm toán Nhà nước khu vực II trong hoạt động giám sát tài chính - ngân sách ở địa phương nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả trong quá trình quản lý và sử

dụng tiền, tài sản Nhà nước; phát hiện, ngăn chặn các hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật...

Điều 40. Quan hệ giữa Thường trực, các Ban HĐND tỉnh với Đoàn ĐBQH tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, Đoàn ĐBQH tỉnh trong việc tiếp xúc cử tri, trong hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND tỉnh; trong các kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; trong xây dựng pháp luật theo yêu cầu của Quốc hội.

Căn cứ quy định tại Điều này, Thường trực HĐND tỉnh ký kết Quy chế phối hợp công tác với Đoàn ĐBQH tỉnh.

Chương VII

NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 41. Trụ sở, kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh được bảo đảm cơ sở vật chất, trang bị các phương tiện để đáp ứng yêu cầu hoạt động.

2. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh do HĐND tỉnh quyết định theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh và thực hiện theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và nghị quyết của HĐND tỉnh.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch HĐND tỉnh chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh theo quy định pháp luật.

Điều 42. Bộ máy giúp việc của HĐND tỉnh

Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh là cơ quan tương đương Sở, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thường trực HĐND tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/9/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV về việc thành lập và quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND cấp tỉnh.

Điều 43. Các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh

1. Đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách được bố trí nơi làm việc, bảo đảm trang thiết bị làm việc theo quy định; được trả lương, phụ cấp và hưởng các chế độ để hỗ trợ cho hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh.

2. Thời gian làm việc trong năm mà đại biểu HĐND tỉnh hoạt động không chuyên trách dành cho việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu được tính vào thời gian làm việc của đại biểu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị mà đại biểu làm việc và được bảo đảm trả lương, phụ cấp, các chế độ khác do cơ quan, tổ chức, đơn vị đó đài thọ.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi đại biểu làm việc có trách nhiệm sắp xếp công việc, tạo điều kiện cần thiết cho đại biểu HĐND tỉnh làm nhiệm vụ.

3. UBND tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh.

4. UBND tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tạo điều kiện để đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân với HĐND tỉnh.

5. Đại biểu HĐND tỉnh được cấp hoạt động phí hằng tháng và được hỗ trợ các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động đại biểu.

6. Đại biểu HĐND tỉnh được cung cấp báo cáo của Thường trực HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án dân sự tỉnh và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của HĐND tỉnh. Việc cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác cho đại biểu HĐND tỉnh do HĐND tỉnh quyết định.

7. Đại biểu HĐND tỉnh được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phí; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do HĐND tỉnh quyết định.

Điều 44. Công tác khen thưởng

1. Hàng năm và vào cuối nhiệm kỳ, HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh quyết định khen thưởng đối với đại biểu HĐND tỉnh; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết HĐND tỉnh.

2. Hình thức khen thưởng của HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh là Bằng khen.

3. Căn cứ quy định tại Điều này, Thường trực HĐND tỉnh quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn và đối tượng khen thưởng.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 45. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh thực hiện Quy chế này.

2. UBND, UBND tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế này.

3. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và tham mưu bổ sung, sửa đổi Quy chế này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang

